

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST

Ngày 03-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lương Văn Đài

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Kim và ông Nguyễn Xuân Lập.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Gia Long - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 30/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 14/01/2021 đối với bị cáo:

**Qian You C** (Phiên âm tiếng Việt: Tiền Hựu T) - Tên gọi khác: AB, N, Tiền Hữu Th; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/10/1996 tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Nơi cư trú: Số 101, Đơn Nguyên 2, số 7, đường TĐ, huyện tự trị dân tộc Dao HK, châu tự trị dân tộc Di dân tộc Hà Nhì HH, tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Quốc tịch: Trung Quốc; Dân tộc: Hán; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Cấp 3;

Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án: Tháng 02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện HK, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc xử phạt 08 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

Bố đẻ: Tiền Vệ Đ, sinh năm 1963, hiện trú tại Số nhà 101, Đơn Nguyên 2, số 7, đường TĐ, thị trấn HK, huyện HK, Châu HH, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Mẹ đẻ: Trần Thị S, sinh năm 1971, hiện trú tại thôn ĐT, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Bị cáo chưa có vợ và con.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2020 và tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

- Bị hại: Ông Đào Phi G, sinh năm 1986 (tại Trấn Y, tỉnh Yên Bái). Hiện trú tại số nhà 384 đường KY, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai (có mặt).
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
  - + Ông Chu Mạnh C1, sinh năm 1984. Hiện trú tại: Tổ 26A, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai (có mặt).
  - + Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1985. Hiện trú tại: Số nhà 32, đường PDP, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).
  - + Bà Trần Thị S, sinh năm 1971. Hiện trú tại: Thôn ĐT, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái (có mặt).
  - *Những người làm chứng nhưng vắng mặt gồm:*
    - + Ông Nguyễn Duy Th - sinh 1996; Trú tại số nhà 399, đường KY, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.
    - + Bà Mai Thanh H2- sinh 1988; Trú tại: Tổ 14, phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.
    - + Bà Nguyễn Thị Thủy – sinh 1982; Trú tại số nhà 134, đường LHP, phường DH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.
    - + Bà Nguyễn Thị Nhung – sinh 1990; Trú tại: Khu HH, phường DN, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh.
    - + Bà Trần Thị Tuyết – sinh 1979; Trú tại: Thôn KĐ, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái.
  - *Người phiên dịch tiếng Trung Quốc cho bị cáo:* Bà Phan Ngọc T1. Trú tại: Tổ 17 phường BM, thành phố LC, tỉnh Lào Cai (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa năm 2018, Tiền Hựu T làm phiên dịch cho một số người tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu nên quen biết anh Chu Mạnh C1 (Sinh năm 1984, trú tại tổ 26A, phường PM, thành phố LC, Lào Cai) và có số điện thoại của anh C1.

Cuối tháng 02/2020, T có ý định làm môi giới bán máy đo nhiệt kế cho các chủ buôn người Việt Nam. Vì vậy, T đã liên lạc qua Wechat với một người đàn ông Trung Quốc tên là CT, khoảng 24 tuổi, có tài khoản Wechat là “Th1” và một người phụ nữ Trung Quốc tên là N1, khoảng 35 tuổi, có tài khoản Wechat là “Niu”, (CT và N1 cùng trú tại huyện HK, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) để hỏi mua máy đo nhiệt kế. CT và N1 cho biết là có người quen làm tại xưởng sản xuất máy đo nhiệt kế, nếu T muốn mua thì phải đặt cọc 100% tiền hàng. CT và N1 cũng báo giá nhiều mẫu máy từ 270 đến 350 CNY/máy cho T biết.

Ngày 07/3/2020, T nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và bỏ trốn về nhà mẹ đẻ tên là Trần Thị S (sinh năm 1971, trú tại thôn ĐT, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái). Trong thời gian này, do nợ nhiều tiền ở Trung Quốc nên T nảy sinh ý

định lừa đảo để lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân thông qua việc chào bán máy đo nhiệt kế cho các chủ buôn người Việt Nam với giá thấp hơn thị trường Trung Quốc đang bán, để người mua tin tưởng đặt tiền cọc mua hàng rồi chiếm đoạt số tiền này.

Chiều ngày 17/3/2020 qua Wechat, T nói với CT và N1 là có chủ buôn người Việt Nam đang có nhu cầu mua máy đo nhiệt kế ( thân nhiệt) nên đề nghị cung cấp thông tin và các ảnh chụp mẫu máy đo nhiệt kế để T giới thiệu. CT và N1 đã gửi cho T nhiều ảnh chụp các mẫu máy đo nhiệt kế. Tối ngày 17/3/2020, thông qua Wechat, T mượn sim điện thoại số 0328397608 của bà Sự lắp vào điện thoại của T rồi gọi cho anh Chu Mạnh C1, xin nick Wechat của anh C1. T gửi cho anh C1 các ảnh chụp máy đo nhiệt kế, đồng thời chào bán ba loại máy gồm: Hai loại máy của người lớn và một loại máy của trẻ em với giá từ 200 đến 270 CNY/máy. Anh C1 sau đó đã nói lại nội dung T chào bán máy đo nhiệt kế cho anh Đào Phi G (sinh năm 1986, trú tại số nhà 384, đường KY, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai).

Sáng ngày 18/3/2020, T nói với anh C1 là chủ buôn bên Trung Quốc yêu cầu phải đặt cọc 100% tiền hàng. Nếu C1 đồng ý mua thì đặt cọc cho T một khoản nhỏ, số tiền còn lại T sẽ ứng trước, khi nào C1 nhận được hàng thì mới phải chuyển cho T số tiền còn lại. C1 nói lại với G, G bảo C1 đặt mua 2.000 chiếc máy đo nhiệt kế. Sau đó, C1 liên lạc lại với T, T gửi cho C1 số tài khoản 6217003910010712462 của T mở tại Ngân hàng kiến thiết huyện HK và yêu cầu đặt cọc trước 50.000 CNY cho lô hàng, hẹn tối ngày 18/3/2020 sẽ bốc hàng lên xe, đến ngày 19/3/2020 sẽ giao hàng cho C1 tại Cửa khẩu KTh, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Đến chiều ngày 18/3/2020, G thỏa thuận với Nguyễn Quốc H (sinh năm 1985, trú tại số nhà 32, đường PDP, phường LC, thành phố LC) sau khi mua được lô hàng trên, G sẽ bán lại cho H 800 chiếc máy đo nhiệt kế loại của trẻ em với giá 200 CNY/máy, đồng thời bảo H chuyển 30.000 CNY vào tài khoản của T. H đã nhờ chị Mai Thanh H2(Sinh năm 1988, trú tại tổ 14, phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai) chuyển cho T số tiền này. Đào Phi G tiếp tục nhờ anh Nguyễn Duy Th (sinh năm 1996, trú tại số nhà 339 đường KY, thành phố LC) chuyển vào tài khoản của T 20.000 CNY. Sau khi chuyển tiền xong, G tiếp tục bảo C1 đặt mua tiếp của T 5.000 cái máy đo nhiệt kế loại giá 220 CNY/máy. T yêu cầu đặt cọc trước 100.000 CNY cho lô hàng này, G đồng ý và hẹn đến ngày 19/3/2020 sẽ chuyển số tiền này cho T.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, thông qua C1, G yêu cầu T cung cấp quay lại cảnh công nhân đang bốc hàng, đồng thời ghi tên Đào Phi G và tên “H3” (người đàn ông trú tại tỉnh Thái Nguyên, là người đặt mua hàng của G) lên một thùng hàng rồi chụp gửi cho C1. T lên mạng internet tải một đoạn video quay cảnh công nhân đang bốc hàng lên xe ô tô rồi gửi cho C1. Sau đó, T bảo CT và N1 là chủ hàng Việt Nam yêu cầu phải ghi tên Đào Phi G và “H3” lên một thùng hàng

rồi chụp lại gửi cho họ để chứng minh là có hàng thì họ mới đặt tiền để mua, đồng thời bảo CT và N1 nhờ người quen đang làm trong xưởng sản xuất máy đo nhiệt kế ghi tên của G và Hoàng lên thùng hàng rồi chụp lại gửi cho T, T hứa trả cho người quen của CT và N1 mỗi người 500 CNY tiền công. Do tài khoản Wechat không còn tiền nên T đã bảo bố để tên là Tiền Vệ Đ (sinh năm 1963, trú tại số nhà 101, Đôn Nguyên 2, số 7, đường TĐ, huyện HK, Châu HH, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) chuyển vào tài khoản Wechat của T 500 CNY. Sau khi nhận được tiền, T đã chuyển số tiền này vào tài khoản Wechat của CT để trả công cho người đã ghi tên của G và Hoàng lên thùng hàng. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N1 và CT gửi cho T một clip quay cảnh các TH hàng đang xếp trong kho, trong đó có một thùng hàng ghi chữ “Đao Phi G, H3 Thai Nguyen” cùng ảnh chụp thùng hàng và máy nhiệt kế có ghi tên G và Hoàng.

Sáng ngày 19/3/2020, T gửi cho C1 đoạn video, ảnh chụp thùng hàng ghi tên G và Hoàng. C1 thông báo lại cho G và G đã gọi điện thoại trực tiếp cho T nói G là người đã thông qua C1 đặt mua lô hàng 2.000 chiếc máy đo nhiệt kế. G yêu cầu T gửi ảnh chụp các giấy tờ liên quan đến lô hàng này, ảnh chụp mẫu máy của lô hàng 5.000 chiếc cùng số điện thoại của Công ty làm thủ tục thông quan cho lô hàng sang Việt Nam. G dặn T khi nào chuẩn bị làm thủ tục thông quan thì gửi cho G biển số xe ô tô chở hàng sang Việt Nam. Khi nào nhận được các thông tin trên thì G mới chuyển 100.000 CNY đặt cọc để mua lô hàng 5.000 chiếc. T liên liên lạc với CT nói chủ hàng Việt Nam yêu cầu phải chụp các giấy tờ liên quan đến lô hàng cùng số điện thoại của Công ty sẽ làm thủ tục báo quan để xuất hàng sang Việt Nam thì họ mới đặt cọc tiền để mua hàng. CT đã gửi cho T 02 file ảnh chụp tài liệu gồm: Giấy kiểm định, giấy xuất xưởng... của máy đo nhiệt kế, 03 số điện thoại của Công ty sẽ làm thủ tục báo hải quan để xuất hàng sang Việt Nam, 01 video quay máy đo nhiệt kế cùng nhiều ảnh chụp mẫu máy đo nhiệt kế. T tiếp tục lên mạng internet tìm kiếm và tải được hình ảnh một ô tô thường xuyên chở hàng tại khu vực cửa khẩu huyện HK rồi gửi cho C1 và G 02 file ảnh chụp các giấy tờ liên quan đến lô hàng 2.000 chiếc cùng các ảnh chụp mẫu máy của lô hàng 5.000 chiếc; gửi cho G ảnh biển số xe ô tô và yêu cầu G chuyển tiền đặt cọc cho lô hàng 5.000 chiếc.

Khoảng 13h30 cùng ngày, G nhờ anh Nguyễn Duy Th chuyển 100.000 CNY vào tài khoản của T, anh Th đã nhờ chị Nguyễn Thị Thúy Thoa (sinh năm 1982, trú tại số nhà 134, đường LHP, phường DH, thành phố LC) chuyển hộ. Chị Thoa đã nhờ một người đàn ông Trung Quốc tên là A.B nhà ở huyện HK chuyển vào tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T tắt liên lạc, không đặt mua máy đo nhiệt kế cho G mà chiếm đoạt số tiền trên để trả nợ, đánh bạc trên mạng và chi tiêu cá nhân hết 139.643 CNY (Một trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba nhân dân tệ), còn 10.357 CNY (Mười nghìn ba trăm năm mươi bảy nhân dân tệ) trong tài khoản bị Cục Công an huyện HK, Trung Quốc phong tỏa.

Căn cứ Biên bản làm việc hồi 14h00 phút ngày 08/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Lào Cai II và Thông báo tỷ giá mua bán ngoại tệ các ngày 18, 19/3/2020 thì số tiền 150.000 CNY (Một trăm năm mươi nghìn nhân dân tệ) mà Tiền Hựu T đã chiếm đoạt của anh Đào Phi G tương ứng với 499.000.000đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng).

Cáo trạng số 65/CT-VKS-P2 ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố Tiền Hựu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội: Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Tiền Hựu T. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Tiền Hựu T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tiền Hựu T từ 11 năm tù đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận số tiền bị cáo đã khắc phục. Bị cáo Tiền Hựu T phải có trách nhiệm trả lại số tiền chiếm đoạt còn thiếu cho ông Đào Phi G là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng) như thỏa thuận của các bên.

Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone XSMax cho anh Đào Phi G; trả lại chiếc điện thoại Iphone 7Plus màu đen cho anh Chu Mạnh C1. Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại OPPO A11 của bị cáo do sử dụng vào hành vi phạm tội.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo Tiền Hựu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trong bản cáo trạng, đề nghị Tòa án xác nhận bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại là **166.600.000 đồng** (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) và tự nguyện gán trả cho ông G 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Xmax (trị giá **22.000.000 đồng**). Tổng số tiền bị cáo đã bồi thường được cho bị hại là **188.600.000 đồng** (một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) nên bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thực hiện đúng, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định do bị cáo là người quốc tịch nước ngoài, ở nước ngoài là đúng thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử. Tại phiên tòa việc

những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng được thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp, đúng sự thực khách quan vụ án.

[2] Về hành vi, chứng cứ phạm tội của bị cáo

[2.1]. Đánh giá hành vi phạm tội và tội danh: Bị cáo Tiền Hựu T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, T đã khai và nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện. Do chơi bời nên nợ tiền nhiều người ở Trung Quốc và không có khả năng trả nợ, lợi dụng giao thương giữa hai nước và thời điểm dịch CoVit19, T đã nảy sinh ý định lừa đảo, chiếm đoạt tài sản bằng cách giả chào bán máy đo thân nhiệt cho các chủ buôn người Việt Nam, giả đưa ra giá thấp hơn giá thị trường Trung Quốc đang bán để người mua tin, đặt tiền cọc mua hàng rồi chiếm đoạt. Thông qua hai người Trung Quốc là CT và N1 (trú tại huyện HK, Vân Nam, Trung Quốc), T giả là khách mua nên đã lấy được hình ảnh, video quay mẫu máy và cảnh sản xuất, bốc xếp, vận chuyển máy đo nhiệt kế để cung cấp cho Đào Phi G. Mục đích để anh G tin tưởng và chuyển số tiền cần mua lô hàng 7.000 máy đo nhiệt kế có trị giá là 150.000 CNY (tương đương 499.000.000 đồng). Sau khi nhận được tiền anh G chuyển đến, T đã cắt đứt thông tin liên lạc, không đặt mua máy đo nhiệt kế cho G mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền G đã chuyển vào tài khoản là 150.000 CNY chi dùng vào đánh bạc ở Trung Quốc, tiêu sài cá nhân rồi bỏ trốn.

Như vậy bị cáo Tiền Hựu T bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh G như nêu trên đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do vậy Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bản cáo trạng số 65/CT-VKS-P2 ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố Tiền Hựu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất mức độ tội phạm và nhân thân bị cáo:

*Về tính chất, mức độ tội phạm và hình phạt:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc, đúng với tính chất mức độ mà bị cáo gây ra theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh ngăn chặn tội phạm, nhất là vùng có cửa khẩu biên giới giao thương giữa hai nước gây lo lắng cho nhân dân.

*Xét về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tiền Hựu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho anh Đào Phi G với số tiền 188.600.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần áp

dụng cho bị cáo T theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

*Về tình tiết tăng nặng:*

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu (tháng 02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện HK, tỉnh Vân Nam Trung Quốc xử phạt 08 tháng tù giam tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong tháng 11/2019) tuy không áp dụng tái phạm, nhưng cũng cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung do hoàn cảnh kinh tế là đối tượng đang sống phụ thuộc, chưa có gia đình riêng nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo.

Đối với những người liên quan khác trong vụ án như: CT, N1, bà Sự, chị Tuyết, chị Nhung, chị Thoa, chị Hương và anh Th bị cáo có nhờ chuyển tiền qua tài khoản, bán, mượn điện thoại gọi, nhờ đổi, rút tiền, quay video hình ảnh cho bị cáo. Quá trình điều tra xác định những người này hoàn toàn không biết T dùng vào mục đích phạm tội lừa đảo nên không đề cập xử lý là phù hợp.

*[3] Về trách nhiệm dân sự:*

Qua đối chất làm rõ tại phiên tòa: Bị cáo Tiền Hựu T đã T nhận lừa đảo chiếm đoạt của anh Đào Phi G tổng số tiền là 150.000 CNY quy đổi tại thời điểm 19/3/2020 là 499.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng). Tại phiên tòa Bị cáo và anh G đều T nhận bị cáo đã trả cho bị hại 166.600.000 đồng tiền VNĐ và 01 chiếc điện thoại Iphone 11Xmax trị giá 22.000.000 đồng (do anh C1 bán cho người không biết địa chỉ), cộng lại T đã khắc phục trả cho anh G được 188.600.000 đồng là phù hợp cần công nhận. Số tiền T chiếm đoạt còn lại là 310.400.000 đồng (anh H, anh C1 có đơn yêu cầu và đều xác định là tiền của anh G). Anh Đào Phi G, anh Chu Mạnh C1, anh Nguyễn Quốc H đều đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật. Do vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại theo đề nghị của anh G là có căn cứ chấp nhận.

*[4] Về vật chứng chuyển theo vụ án gồm:*

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng đen đã qua sử dụng, số Imei 1: 357325095335774; Imei 2: 357325095271623 do anh Đào Phi G giao nộp làm căn cứ chứng minh khi anh liên hệ đòi tiền với bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen đã qua sử dụng, trên máy có ghi dòng chữ Model A1784 FCC ID BCG - E3092A IC 579C - E3092A, bên trong có 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel: Bị cáo T nhận là điện thoại của anh Chu Mạnh C1 đưa cho bị cáo mượn để sử dụng liên lạc với gia đình (do bị cáo giao nộp);

Tại phiên tòa; anh G, anh C1 đều có yêu cầu lấy lại hai điện thoại trên. Xét đề nghị này của các đương sự là có căn cứ, cần trả lại cho anh C1, anh G chiếc điện thoại nêu trên là phù hợp.

- Tịch thu 01 điện thoại hiệu OPPO A11, kiểu máy PCHM10, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, máy đã qua sử dụng, máy có số Imei 1:

868166049109556; Imei 2: 868166049109549 là của bị cáo đã mượn sim của bà Sự để gọi khi lừa đảo (khi mượn sim bà Sự không biết T dùng vào phạm tội, khi T trả lại sim bà đã làm mất) nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Qian You C (Phiên âm tiếng Việt: Tiền Hựu T) phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Qian You C (Tiền Hựu T) 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để giữ là ngày 03/4/2020.

- *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Căn cứ Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Tiền Hựu T phải bồi thường thiệt hại trả cho anh Đào Phi G số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 310.400.000 đồng (Ba trăm mười triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận đề nghị của anh Đào Phi G; anh Chu Mạnh C1, tuyên:

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng đen đã qua sử dụng, số Imei 1: 357325095335774; Imei 2: 357325095271623 cho anh Đào Phi G.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen đã qua sử dụng, trên máy có ghi dòng chữ Model A1784 FCC ID BCG - E3092A IC 579C -E3092A, bên trong có 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel cho anh Chu Mạnh C1;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu OPPOA11, kiểu máy PCHM10 mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, máy đã qua sử dụng, máy có số Imei 1: 868166049109556; Imei 2: 868166049109549 của Tiền Hựu T dùng vào việc phạm tội.

*(Các vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 26/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)*



*Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Tiền Hựu T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 15.520.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 15.720.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí.

Báo cho bị cáo, bị hại, anh Chu Mạnh C1 và bà Trần Thị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc H được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người QLNVLQ;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Văn Đài**